

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý III năm 2011 (Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.20	45,585,803,027	24,262,505,387	146,206,673,496	149,783,655,823
2. Các khoản giảm trừ	02			173,377,272		173,377,272
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		45,585,803,027	24,089,128,115	146,206,673,496	149,610,278,551
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.21	41,640,351,572	18,437,614,913	100,460,434,295	89,255,670,648
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3,945,451,455	5,651,513,202	45,746,239,201	60,354,607,903
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22	4,166,022,225	8,666,595,393	18,888,138,218	20,105,340,307
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.23	410,680,000		926,917,500	1,325,425,000
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		410,680,000		926,917,500	1,325,425,000
8. Chi phí bán hàng	24					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5,850,044,735	4,716,874,680	16,385,962,374	13,752,520,688
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		1,850,748,945	9,601,233,915	47,321,497,545	65,382,002,522
11. Thu nhập khác	31		13,581,704,475	63,023,438,252	13,597,463,475	63,171,879,890
12. Chi phí khác	32		4,213,183,337	84,775,491	4,501,065,337	416,845,621
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		9,368,521,138	62,938,662,761	9,096,398,138	62,755,034,269
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11,219,270,083	72,539,896,676	56,417,895,683	128,137,036,791
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.24	3,013,439,531	17,692,511,311	13,704,498,994	30,503,386,181
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					522,500,000
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		8,205,830,552	54,847,385,365	42,713,396,689	97,111,150,610
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		476,780,562	574,466,274	2,031,469,674	2,205,246,946
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		7,729,049,990	54,272,919,091	40,681,927,015	94,905,903,664
18. Lãi cơ bản trên cổ phần của công ty mẹ (*)	70		725	5,094	3,818	8,870

Ghi chú: (*) Chỉ tiêu này chỉ áp dụng đối với Công ty cổ phần.

Người lập biểu

Trần Thị Kim Thu

Trần Thị Kim Thu

Kế toán trưởng

Trương Lưu

Trương Lưu

Ngày 11 tháng 11 năm 2011

Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Đình

Nguyễn Xuân Đình